

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1871/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Du Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Lang

2. Bà Bùi Thị Hòa Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 1267/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 368/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Xuân H

Địa chỉ: Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Kim Thị Hồng V

Địa chỉ: Phường R, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi Xuân H trình bày: Ông và bà Kim Thị Hồng V quen biết sau một thời gian đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2014 tại UNND Phường R, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì sau đó giữa ông, bà xảy ra mâu thuẫn, bà V bỏ nhà đi từ tháng 3 năm 2016 cho đến nay. Sau khi bà V bỏ nhà đi ông đã tìm kiếm bà V rất lâu nhưng vẫn không liên lạc được

với bà V. Đến ngày 25/12/2017 ông H đã nộp đơn xin ly hôn với bà V nhưng do bà V đã bỏ nhà đi nên không liên hệ được nên ông H đã rút đơn khởi kiện. đến ngày 09/01/2019 ông H đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận B giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích. Tòa án nhân dân quận B đã có quyết định số 1887/2019/QĐST-DS ngày 23/10/2019 đã tuyên bố bà V là mất tích. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận B giải quyết cho ông được ly hôn với bà Kim Thị Hồng V.

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Bùi Hoàng T, sinh ngày 06/9/2011 từ lúc bà V đi cho đến nay trẻ T đều sống với ông. Nay ông vẫn giữ yêu cầu nuôi trẻ T, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Kim Thị Hồng V đã được Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố mất tích theo Quyết định số 1887/2019/QĐDS-ST ngày 25/10/2019 vì vậy không lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của tại Điều 70, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Căn cứ Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Xuân H đối với bà Kim Thị Hồng V.

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Bùi Hoàng T, sinh ngày 06/9/2011 giao con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của ông Bùi Xuân H thì đây là vụ án về tranh chấp ly hôn. Nơi cư trú cuối cùng của bà Kim Thị Hồng V tại địa chỉ số 220/18 X, Phường R, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông H và bà V trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 99/2014 quyển số 01/2014 ngày 25/8/2014 tại UBND Phường R, quận B Thành phố Hồ Chí Minh. Theo ông H sau khi kết hôn ông và bà V chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 3 năm 2016 bà V bỏ nhà đi cho đến nay. Sau khi bà V bỏ nhà đi ông đã tìm kiếm bà V rất lâu nhưng vẫn không liên lạc được với bà V.

Đến ngày 25/12/2017 ông H đã nộp đơn xin ly hôn với bà V nhưng do bà V đã bỏ nhà đi nên không liên hệ được nên ông H đã rút đơn khởi kiện. Đến ngày 09/01/2019 ông H đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận B giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích. Tòa án nhân dân quận B đã có quyết định số 1887/2019/QĐST-DS ngày 23/10/2019 đã tuyên bố bà V là mất tích. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận B giải quyết cho ông được ly hôn với bà Kim Thị Hồng V. Ông H cho rằng giữa ông và bà V trước khi bỏ nhà đi xảy ra mâu thuẫn nhỏ thế nhưng bà V không nói gì đã bỏ nhà đi từ năm 2016 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đó cũng là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Bà V bỏ nhà đi từ năm 2016 đến nay và đã có quyết định tuyên bố một người là mất tích. Do bà V là người bị Tòa án tuyên bố mất tích nên yêu cầu ly hôn của ông H thuộc trường hợp xin ly hôn với người mất tích do vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của ông H được ly hôn với bà V.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét thấy, từ khi ông H và bà V ly thân thì con chung là Bùi Hoàng T, sinh ngày 06/9/2011 đều do ông H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ông H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ T nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của ông H không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H khai không có và trong quá trình giải quyết vụ án không có mặt của bà V nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Ông H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Xuân H về yêu cầu xin ly hôn với bà Kim Thị Hồng V.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Xuân H được ly hôn với bà Kim Thị Hồng V (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 99/2014 quyền số 01/2014 ngày 25/8/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường R, quận B Thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực).

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Bùi Hoàng T, sinh ngày 06/9/2011 giao con chung cho ông Bùi Xuân H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà V đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

Đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông H khai không có và trong quá trình giải quyết vụ án không có mặt của bà V nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng ông Bùi Xuân H phải chịu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0028075 ngày 26/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường 21 quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Tuyết Lạnh